

Bản án số: 27/2018/HNGĐ - ST

Ngày 23 tháng 4 năm 2018

V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Mạnh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Huy Trình.

- Bà Chu Thị Ngọc Lan.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa : Bà Đinh Phương Mai - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2018/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Thành Đ** sinh năm 1981.

Bị đơn: Chị **Tô Thị T** sinh năm 1984.

Đều có địa chỉ : Khu 9, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Chị T hiện tạm trú: Làng K, phường H1, thành phố H2, tỉnh Q.

(Anh Đ có mặt chị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Lê Thành Đ trình bày:

Anh và chị T kết hôn ngày 29/9/2006 hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại xã Y, huyện H. Chị T làm ruộng còn anh đi lái xe. Quá trình chung sống lúc đầu hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại làng K, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh ở ,vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ từ đó. Xác định

tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Thủy.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Quang T1 sinh ngày 27/10/2003 và cháu Lê Nhật L sinh ngày 10/01/2008. Hiện hai cháu đang ở với chị T. Sau ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quang T1, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nhật L. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nếu nguyện vọng của các cháu xin được ở cả với mẹ thì anh cũng đồng ý và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các cháu.

Về tài sản chung: Anh và chị Tô Thị T tự thỏa thuận giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh Đ xác nhận vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh nhận nộp theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Quá trình ủy thác điều tra, trong bản tự khai đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, chị Tô Thị T trình bày:

Về thời gian, thủ tục kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như anh Đ đã trình bày là đúng. Vợ chồng chị sống ly thân đã lâu không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị cũng xác định tình cảm không còn chị đồng ý ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có hai con chung hiện đang ở với chị là cháu Lê Quang T1 sinh ngày 27/10/2003 và cháu Lê Nhật L sinh ngày 10/01/2008 như anh Đ trình bày là đúng. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị cho một cháu một tháng là 1.000.000đ. hai cháu bằng 2.000.000đ trên một tháng kể từ khi ly hôn đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị có đơn đề nghị TAND huyện Hạ Hòa xét xử cho anh Đ được ly hôn vắng mặt chị vì hiện nay chị đi làm ăn không có điều kiện có mặt để giải quyết vụ án.

Ngoài ra chị không có yêu cầu đề nghị gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ cho chị Tô Thị T có mặt để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T vắng mặt vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được. Chị T được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điều

228 - BLTTDS Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thành Đ và chị Tô Thị T kết hôn ngày 29/9/2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được UBND xã Y, huyện H đăng ký kết hôn. Đây là một hôn nhân hợp pháp, phù hợp với pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Đ tại xã Y, huyện H, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Anh Đ và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều tự nguyện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, để các bên tự ổn định cuộc sống của mình. Vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng theo quan điểm của hai bên xét xử cho anh Đ được ly hôn vắng mặt chị T là phù hợp quy định của pháp luật và cuộc hôn nhân thực tế của vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Đ, chị T xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Quang T1 sinh ngày 27/10/2003 và cháu Lê Nhật L sinh ngày 10/01/2008 hiện cả hai cháu đang ăn học và ở với chị T. Tại phiên tòa hôm nay sau khi công bố các tài liệu chứng cứ sau khi được ủy thác điều tra do TAND Thành phố Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh làm việc cung cấp về quan điểm của chị T đối với con chung sau ly hôn anh đồng ý với quan điểm của hai cháu và của chị T để cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu và nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị cho một cháu một tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) . hai cháu bằng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) trên một tháng kể từ khi ly hôn đến khi các cháu thành niên.

[4]: Về tài sản chung hai bên đều có quan điểm tự thỏa thuận giải quyết ,về công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp đều xác nhận vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nhưng hiện nay chị T vắng mặt, nếu sau này có tranh chấp khi có mặt của hai bên nếu có yêu cầu đề nghị có căn cứ pháp luật thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí : Anh Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quá trình thụ lý, trình tự giải quyết vụ án đã tiến hành đúng theo thủ tục tố tụng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xét xử cho anh Đ được ly hôn chị T. Giao cho chị Tô Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T theo từng tháng cho mỗi cháu một tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 4/2018 đến khi các cháu thành niên. Anh Đ phải chịu án phí theo quy định. Về án phí: Anh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, 81, 82,83, 110 Luật hôn nhân và gia đình , khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Thành Đ được ly hôn với chị Tô Thị T.

Về con chung:

Xử : Giao cho chị Tô Thị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu: cháu Lê Quang T1 sinh ngày 27/10/2003 và cháu Lê Nhật L sinh ngày 10/01/2008. Anh Lê Thành Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T theo từng tháng cho mỗi cháu một tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), hai cháu bằng 2000.000đ (Hai triệu đồng) trên một tháng, kể từ tháng 4 năm 2018 đến khi các cháu thành niên.

Hai bên đều có quyền nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật không bên nào được ngăn cấm.

Về tài sản chung hai bên đều có quan điểm tự thỏa thuận giải quyết ,về công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp đều xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nhưng hiện nay chị T vắng mặt, nếu sau này có tranh chấp khi có mặt của hai bên nếu có yêu cầu đề nghị có căn cứ pháp luật thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí : Anh Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003399 ngày 22/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa tỉnh Phú Thọ. Anh Đ còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Đ có mặt được quyền kháng cáo chị T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Y, huyện H nơi cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- CC TH Dân sự;
- Lưu HS-VP;
- UBND xã Y

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tô Mạnh Tiến